ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 123 /2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; Nghị định số 253/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Long An và Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 8668/QĐ-UBND ngày 22/ 05/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 4197/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Long An ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh Long An; thay thế Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2014 của UBND

tỉnh Tây Ninh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 17 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh phê duyệt kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp; Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; Chủ tịch và Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- BTT.UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Tây Ninh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng: KTTC, TH;
- Lưu: VT, Dung.

QĐ DIEU LE TO CHUC VÀ HOAT DONG QUY HTPTHTX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 123 /2026/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (viết tắt là Điều lệ Quỹ) quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành; chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán; việc giải thể, tổ chức lại và một số nội dung khác.

2. Đối tượng áp dụng

a) Điều lệ này áp dụng trong tổ chức, hoạt động tại Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (viết tắt là Quỹ) và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

b) Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, thành viên của Tổ hợp tác và Hợp tác xã được Quỹ cho vay theo quy định của Điều lệ này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn điều lệ" là mức vốn quy định tại Điều lệ này.

2. "Vốn điều lệ thực có" được xác định bằng mức vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm của Quỹ.

3. "Cho vay" là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

4. “Nhận ủy thác cho vay” là việc Quỹ nhận ủy thác từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam để cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ và thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

5. “Cơ cấu lại thời hạn trả nợ” là việc Quỹ chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoản thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Gia hạn nợ là việc Quỹ chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận.

6. “Nợ xấu” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ.

7. “Khách hàng” là các Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, thành viên của Tổ hợp tác, Hợp tác xã hoặc Liên hiệp Hợp tác xã được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn với quỹ thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên, thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại.

b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại.

c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

1. Tên gọi của Quỹ

Tên gọi tiếng Việt: Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (Tên viết tắt: QHTPTHTXTN).

Tên gọi bằng tiếng Anh: TayNinh Cooperative Assistance Fund. Tên viết tắt: TNiCAF.

2. Trụ sở Quỹ

Trụ sở chính: Tầng 5 khối nhà cơ quan 4, số: 2 đường Song Hành, phường Long An, tỉnh Tây Ninh (Trụ sở 1 Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

Cơ sở 2: Số 343, Cách mạng tháng 8, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh (Trụ sở 2 Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

Điều 4. Mô hình hoạt động, địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân

1. Mô hình hoạt động

Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Quyết định thành lập tại Quyết định số 8668/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026. Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay đối với Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, thành viên của Tổ hợp tác và Hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ được thành lập, tổ chức, hoạt động, phá sản và giải thể theo quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan tương ứng với mô hình hoạt động khi không quy định tại Điều lệ này và Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Cho vay cho khách hàng theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ủy thác và nhận ủy thác theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 6. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch; không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Quỹ thực hiện cho vay đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động

Quỹ hoạt động trên toàn địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh hợp tác tỉnh Tây Ninh.

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy chế nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

2. Quyền hạn

a) Tổ chức và hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;

b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, đủ điều kiện, phù hợp với kế hoạch hỗ trợ khách hàng của Quỹ để thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ này.

Điều 8. Tuân thủ pháp luật; Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ (nếu có) hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ (nếu có) hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ và quy định của các tổ chức đó.

Điều 9. Mối quan hệ giữa quỹ với cơ quan quản lý, các hội đoàn thể chính trị - xã hội, khách hàng và Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam

1. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước

a) Quỹ chịu sự chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

b) Quỹ với Ủy ban nhân dân cấp xã có mối quan hệ phối hợp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương liên quan đến hoạt động cho vay khách hàng theo quy định về đối tượng vay tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

2. Mối quan hệ giữa Quỹ với các hội, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp

Quỹ với các hội, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp có mối quan hệ phối hợp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, cụ thể đối với loại hình kinh tế hợp tác được các tổ chức này vận động thành lập.

3. Mối quan hệ giữa Quỹ với các khách hàng

a) Quỹ với các khách hàng có mối quan hệ thông qua hình thức vay vốn.

b) Khách hàng là tổ chức có pháp nhân quan hệ trực tiếp với Quỹ.

4. Mối quan hệ giữa Quỹ với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam

a) Quỹ với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam có mối quan hệ nhận ủy thác cho vay, thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

b) Liên kết, hợp tác với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam trong hoạt động cho vay khách hàng trên địa bàn tỉnh theo nguyên tắc bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trên cơ sở hợp đồng theo quy định của pháp luật; công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, người đại diện theo pháp luật của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý

a) Chủ tịch Quỹ.

b) Kiểm soát viên.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 11. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ; nhiệm kỳ của Chủ tịch Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh hợp tác xã tỉnh Tây Ninh kiêm nhiệm. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định về tiêu chuẩn cán bộ có liên quan.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ.

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 12. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên Quỹ giúp Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hợp tác xã địa phương và các nội dung khác có liên quan.

Kiểm soát viên Quỹ do UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm. Việc bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều này.

Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát viên

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật, quy chế hoạt động và nghiệp vụ của Quỹ, Điều lệ này, Quyết định của Chủ tịch Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch thực hiện, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Chủ tịch Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 13. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ; do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ; nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Giám đốc Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc ủy quyền lại cho Phó Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Chủ tịch Quỹ để Chủ tịch Quỹ trình cấp có thẩm quyền hoặc thông qua theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ phê duyệt. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật;

g) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo Bộ Luật lao động. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 14. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Chủ tịch Quỹ ban hành quy định nội bộ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ.

Điều 15. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quyết định nhưng tối đa không quá 02 (hai) người *(tùy theo quy mô, nhu cầu quản lý Quỹ)*.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 16. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp Giám đốc Quỹ *(người đại diện theo pháp luật)* giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 17. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm các phòng, bộ phận nghiệp vụ của Quỹ do Chủ tịch Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi được Chủ tịch quỹ phê duyệt.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 5 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Mục I. HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 18. Đối tượng, phạm vi cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Pháp nhân là Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã;

b) Cá nhân là thành viên của Tổ hợp tác, Hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên Hợp tác xã là doanh nghiệp).

2. Đối tượng ưu tiên cho vay của Quỹ được cụ thể hóa bám sát theo chiến lược kinh tế - xã hội của tỉnh, chú trọng vào tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển biên giới và chuyển đổi xanh bao gồm:

a) Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuỗi liên kết

Mô hình chuỗi giá trị: Ưu tiên các hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác (THT) tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Nông nghiệp sạch: Các dự án ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, hoặc mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính bám sát theo lộ trình xanh hóa của tỉnh.

b) Các mô hình kinh tế tập thể tại địa bàn biên giới, vùng sâu vùng xa

Khu vực biên giới: Ưu tiên đặc biệt cho các HTX, THT hoạt động tại các xã biên giới tiếp giáp Campuchia nhằm mục tiêu vừa phát triển kinh tế, vừa giữ vững an ninh quốc phòng.

Vùng đồng bào dân tộc: Các dự án tạo sinh kế và giải quyết việc làm ổn định cho thành viên là người dân tộc thiểu số tại địa phương.

c) HTX gắn với Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

Phát triển sản phẩm đặc trưng: Ưu tiên vốn cho các HTX, THT sở hữu hoặc đang xây dựng các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên của tỉnh Tây Ninh.

Xây dựng thương hiệu: Dự án đầu tư máy móc, thiết bị đóng gói, nhãn mác phục vụ xuất khẩu hoặc đưa hàng hóa vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại.

d) Dự án thích ứng biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng xanh

Chuyển đổi xanh phù hợp với định hướng giảm phát thải của Tây Ninh, các HTX chuyển đổi mô hình sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, hoặc xử lý chất thải sinh học.

3. Phạm vi cho vay

Quỹ thực hiện hoạt động cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trong phạm vi tỉnh Tây Ninh.

Điều 19. Nguyên tắc và điều kiện cho vay

1. Nguyên tắc cho vay

a) Hoạt động cho vay đối với khách hàng được thực hiện theo thỏa thuận giữa Quỹ và khách hàng, phù hợp với quy định của điều lệ này và pháp luật có liên quan.

b) Khách hàng vay vốn phải đảm bảo sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả nợ gốc và lãi tiền vay đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ.

2. Điều kiện cho vay

Khách hàng của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh là Hợp tác xã, Liên Hiệp Hợp tác xã, thành viên của Tổ hợp tác, Hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên Hợp tác xã là doanh nghiệp).

a) Khách hàng vay vốn là pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Khách hàng vay vốn là cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

c) Khách hàng có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay; có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh;

d) Tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên của Quỹ sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác.

e) Thực hiện quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 20. Nguyên tắc lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn

1. Lãi suất cho vay của Quỹ phù hợp với chính sách ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác, Hợp tác xã của Chính phủ và của tỉnh. Đồng thời, đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

2. Định kỳ hàng năm hoặc từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay quy định tại khoản 1 điều này, Giám đốc Quỹ tham mưu trình Chủ tịch Quỹ ban hành quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng loại hình, phương thức cho vay cụ thể.

3. Lãi suất quá hạn đối với từng trường hợp cụ thể do Quỹ quyết định, tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

4. Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam.

5. Thẩm quyền quy định lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, miễn, giảm lãi suất cho vay thực hiện theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay.

Điều 21. Mức vốn vay, giới hạn cho vay và thời hạn

1. Mức vốn vay

Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại Điều lệ này, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

2. Giới hạn cho vay

a) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Thời hạn cho vay

a) Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, phương án, dự án đầu tư và khả năng trả nợ của khách hàng.

b) Thời hạn cho vay cụ thể đối với từng dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh của khách hàng do Quỹ xem xét, quyết định nhưng tối đa không quá 10 năm.

Điều 22. Bảo đảm tiền vay

1. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ và khách hàng thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về biện pháp bảo đảm.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Giám đốc Quỹ quyết định đối với phương án cho vay có giá trị không quá 5% vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

2. Chủ tịch Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị từ trên 5% đến 8% vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

3. Quỹ thành lập hội đồng xét duyệt đối với các phương án, dự án đầu tư của hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã mà có giá trị vay từ trên 8% đến 15% vốn Điều lệ thực có của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay.

4. Quỹ ban hành quy định nội bộ về phân cấp thẩm quyền quyết định cho vay và quy chế làm việc của hội đồng xét duyệt.

Điều 24. Phân loại nợ, trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tài chính vi mô.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng đã cho vay đã ký.

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (lãi, gốc) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu theo kết quả phân loại nợ của Quỹ.

3. Đối với những khoản cho vay do nhận ủy thác từ Quỹ hỗ trợ phát triển

Hợp tác xã Việt Nam vẫn phải trích lập dự phòng rủi ro.

4. Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro, Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Quỹ phải xây dựng quy định nội bộ về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trình Chủ tịch Quỹ ký ban hành.

Quy chế xử lý rủi ro bao gồm nội dung cơ bản như sau: nguyên tắc xử lý rủi ro, các trường hợp, biện pháp xử lý rủi ro, hồ sơ trình tự thủ tục sử dụng dự phòng rủi ro; quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

6. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro

Quỹ phải thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng/bộ phận cho vay và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro như sau:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ báo cáo;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay, trong đó phải xác định rõ thời gian và biện pháp để thu hồi nợ;

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ để xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều này;

7. Xây dựng quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Quỹ ký ban hành.

Điều 25. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Quỹ xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải đảm bảo thời hạn cho vay sau khi cơ cấu lại đáp

ứng quy định về thời hạn cho vay theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Khách hàng không có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

2. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay của Quỹ.

Điều 26. Ban hành quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay

1. Quỹ ban hành quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

2. Quy định nội bộ về cho vay, quản lý tiền vay phải phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, đặc điểm hoạt động của Quỹ và đảm bảo các nội dung tối thiểu như sau: Đối tượng cho vay, điều kiện cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, hồ sơ cho vay, thu nợ, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, giảm lãi suất; quy trình thẩm định, phê duyệt và quyết định cho vay; quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng; thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm; xử lý rủi ro.

Mục II. HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC CHO VAY TỪ QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 27. Nhận ủy thác

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam theo hợp đồng nhận ủy thác; Hợp đồng ủy thác phải quy định rõ các nội dung, gồm: Nội dung và phạm vi ủy thác, số tiền ủy thác, quy trình ủy thác, rủi ro phát sinh, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của các bên và các nội dung khác có liên quan.

b) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhận ủy thác.

c) Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Mục III. HUY ĐỘNG VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 28. Hoạt động huy động vốn và hoạt động khác

1. Quỹ được huy động vốn trên địa bàn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Quỹ được thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính và thực hiện các hoạt động dịch vụ hỗ trợ, đào tạo cho khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 29. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo Điều lệ này.

2. Năm tài chính của Quỹ từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quỹ tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Quỹ thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 31. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu

a) Vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh là

61.000.000.000 đồng *(Sáu mươi mốt tỷ đồng)* theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 quy định, được bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

Hằng năm tùy theo tình hình thu chi ngân sách, Quỹ được ngân sách tỉnh cấp bổ sung, đảm bảo đến năm 2030 đạt 200 tỷ đồng (hai trăm tỷ đồng) theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 30/09/2025 của HĐND tỉnh Tây Ninh.

b) Các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính.

c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản.

đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý.

e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.

2. Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Việc thay đổi mức vốn điều lệ (điều chỉnh mức vốn hoặc cấp bổ sung) của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được HĐND tỉnh thông qua trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, quy mô hoạt động của Quỹ, nhu cầu hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn và yêu cầu bảo đảm an toàn tài chính của Quỹ theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh đã có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

Điều 32. Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Quỹ

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của Quỹ phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích và có hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

2. Đối với quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi

a) Quỹ được gửi tại các ngân hàng thương mại thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn;

b) Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam và ngược lại theo thỏa thuận giữa các bên;

c) Quỹ xây dựng quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

3. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

a) Quỹ được mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây

dựng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Điều 33. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này.

3. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.

5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Lương, phụ cấp lương

Quỹ thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về tiền lương và các quy định của Chính phủ, bộ, ngành có thẩm quyền áp dụng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Điều 35. Thu nhập của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ phải được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Thu nhập của Quỹ thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quy chế quản lý tài chính của Quỹ được cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm các nội dung:

a) Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự.

b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ.

c) Thu từ hoạt động khác.

d) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt

động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chi phí của Quỹ thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Quy chế quản lý tài chính của Quỹ được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự.

b) Chi phí hoạt động dịch vụ.

c) Chi hoạt động khác.

d) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí.

đ) Chi cho cán bộ, nhân viên Quỹ.

e) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ.

g) Chi về tài sản.

h) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay.

i) Chi tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã các cấp tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ.

k) Chi phí đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh.

l) Các khoản chi phí khác.

Điều 37. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính.

2. Kết quả tài chính trong năm đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Nghị định 45/2021/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động căn cứ theo xếp loại hàng năm như sau:

- Loại A được trích 03 tháng lương thực hiện;

- Loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện;

- Loại C được trích 01 tháng lương thực hiện.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên căn cứ theo xếp loại hàng năm như sau:

- Loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện;

- Loại B được trích 01 tháng lương thực hiện;

- Loại C thì không được trích lập quỹ.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động; quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì thực hiện theo điểm đ khoản 2 Điều 43 của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

3. Mục đích sử dụng của các Quỹ

a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

c) Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên: Được dùng để thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ.

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác.

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể Quỹ; Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên Quỹ; Chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ. Giám đốc Quỹ phối hợp với Công đoàn của Quỹ quản lý, sử dụng quỹ này công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Nếu Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giảm vốn hoặc bổ sung vốn, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản.

Điều 38. Chế độ báo cáo

1. Lập và gửi các báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm về Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13 và Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã Việt Nam tổng hợp.

2. Các loại báo cáo 6 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

c) Báo cáo tình hình hoạt động cho vay của Quỹ.

d) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm.

3. Thời hạn gửi báo cáo

a) Báo cáo 6 tháng gửi *chậm nhất trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.*

b) Báo cáo năm được gửi chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện được gửi chậm nhất là sau 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Phương thức gửi báo cáo: Quỹ thực hiện gửi báo cáo theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

5. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

6. Định kỳ hàng năm, Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung *(nếu có).*

7. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 39. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay.

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ).

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm.

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính.

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Quỹ theo quy định tại Điều 45 và khoản 2 Điều 56 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và Điều lệ này. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ là một trong các căn cứ để:

a) Quỹ thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ và thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương V
XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN QUỸ

Điều 40. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 41. Tổ chức lại và thẩm quyền quyết định

1. Trường hợp Quỹ tổ chức lại hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình Hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ cho vay).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại, chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13.

Điều 42. Giải thể và thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

1. Quỹ bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Quỹ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 37 và điểm c khoản 5 Điều 58 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

b) Quỹ bị đánh giá xếp loại C trong 05 năm liên tiếp theo quy định tại Điều lệ này và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 năm liên tiếp.

c) Tỷ lệ nợ xấu của Quỹ trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.

d) Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 năm liên tiếp.

đ) Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền giải thể Quỹ:

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Nội Vụ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 13. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành Quyết định giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

Điều 43. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ thực hiện theo quy định như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 44. Phá sản

Việc phá sản Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 45. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ theo quy định.

2. Hướng dẫn xử lý các vấn đề về tài chính khi tổ chức lại, chuyển đổi mô hình hoạt động Quỹ;

3. Căn cứ, bố trợ trong kế hoạch ngân sách tỉnh để tham mưu cấp vốn điều lệ, cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định;

4. Phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về danh mục đầu tư, lĩnh vực ưu tiên cho vay tại Quỹ theo quy định;

5. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ;

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 46. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực 13

1. Phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động cho vay của Quỹ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ;

3. Hướng dẫn thực hiện các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ cho vay và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay tại Quỹ;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 47. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương đối với người lao động làm việc tại Quỹ;

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 48. Trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, giải thể, phá sản Quỹ theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Quỹ theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

6. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này áp dụng cho Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh gồm 7 chương 49 điều có hiệu lực thi hành theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung. Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội Vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Văn Sơn